TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 26/2023/DS-ST Ngày 22/6/2023 Về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và bồi thường thiệt hại"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng;

2. Ông Thạch Văn Mến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và bồi thường thiệt hại",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 (Có mặt); địa chỉ: Nhà không số, ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Quách Văn T, sinh năm 1990 (Có mặt); địa chỉ: Nhà không số, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 (Bút lục 01), quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 36, 43) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:

Ngày 24/7/2022, anh L với anh T giao kết với nhau hợp đồng bằng lời nói về đặt cọc, nhằm thiết lập hợp đồng mua bán lúa. Theo Hợp đồng, anh L đặt cọc cho anh T để anh T mua lúa của nông dân bán cho anh L; giá đặt cọc 300 đồng/Kg lúa; tiền đặt cọc không dùng để thanh toán khi mua bán lúa, hoàn thành hợp đồng mua bán thì anh T trả lại toàn bộ tiền nhận đặt cọc.

Thực hiện hợp đồng đặt cọc, anh L đã chuyển đủ cho anh T số tiền 36.000.000 đồng, tương ứng với số lúa anh T phải thu mua cho anh L là 120 tấn, giá lúa mua bán được cố định là 6.000 đồng/Kg.

Giữa anh L với anh T đã có thời gian dài và rất nhiều lần đặt cọc, mua bán lúa với nhau nhưng lần đặt cọc này là lần đầu của vụ lúa năm 2022. Do là đầu vụ nên giá lúa cao, sau khi anh L mua được 45 tấn thì giá lúa giảm xuống còn 5.620 đồng/Kg. Cho nên, anh L đã đề xuất với anh T là *"Giam 75 tấn còn lại đến cuối vụ hoặc đợi giá lúa tăng trở lại 6.000 đồng/Kg"* mới mua bán tiếp. Sau khi ngưng Hợp đồng này lại, anh L với anh T tiếp tục giao kết và thực hiện nhiều hợp đồng khác, sản lượng mua bán vụ lúa đó lên đến 700 tấn.

Gần kết thúc vụ lúa, vào ngày 05/8/2022 (Âm lịch), anh T đã thông báo giao 75 tấn lúa nhưng anh L đề nghị để lại vì vẫn đang mua lúa của anh T theo các hợp đồng khác, nếu nhận số lúa còn lại thời điểm này sẽ thiệt hại nhiều hơn bỏ cọc. Đến ngày 10/8/2022 (Âm lịch), anh T tiếp tục thông báo cho anh L nhận nốt 75 tấn lúa trên vì ngày 15/8/2022 (Âm lịch) là anh T hết lúa, anh L xin lùi lại ngày 18/8/2022 (Âm lịch) và chấp nhận bù lỗ cho anh T theo giá thị trường vì không có ghe chở lúa. Dù vậy, anh L vẫn đến nhận lúa vào ngày 15/8 do ngày này anh L dời lại được bên người khác nhưng anh T không giao, thời điểm này thì giá lúa cũng chưa tăng lại 6.000 đồng/Kg. Sau ngày 15/8 âm lịch, những ruộng của anh T đặt cọc chỉ còn gốc lúa và anh L không liên lạc nữa.

Anh L khẳng định không bỏ cọc nhưng anh T không thu gom để mua bán nốt 75 tấn lúa theo Hợp đồng, chỉ trả tiền cọc tương ứng với 45 tấn đã giao là 13.500.000 đồng nên còn nợ anh L số tiền đặt cọc là 22.500.000 đồng. Ngoài ra, anh L phải trả chi phí 7.000.000 đồng thuê phương tiện đến chở lúa nhưng không có lúa. Vì vậy, anh L yêu cầu anh T phải trả lại số tiền đặt cọc tương ứng 75 tấn lúa và chi phí thuê phương tiện là 7.000.000 đồng; tổng cộng anh T phải trả anh L 29.5000.000 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là: Bản sao Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu của anh Lặc; Đơn xác nhận về cư trú của anh L, anh T; Bản fotocoppy Phiếu chuyển tiền nhanh Napas (Bút lục 02 - 08).

- Theo Biên bản hòa giải ngày 04/4/2023 (Bút lục 36) và ngày 16/5/2023 (Bút lục 43) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Quách Văn T trình bày:

Anh T thừa nhận nhiều lần giao kết hợp đồng đặt cọc, mua bán lúa với anh L đúng như anh L trình bày. Riêng Hợp đồng ngày 24/7/2022, đã nhận đủ tiền đặt cọc để mua bán 120 tấn lúa, giao được 45 tấn và trả lại 13.500.000 đồng tương ứng, còn lại 75 tấn chưa giao và chưa trả lại tiền nhận đặt cọc.

Tuy nhiên, anh T cho rằng việc không giao được 75 tấn lúa là do anh L đề xuất giam lại vì giá lúa giảm 380 đồng/Kg, cần đợi giá. Gần cuối vụ, nhiều lần anh T yêu cầu giao nốt nhưng anh L không nhận; anh T đã phải trả đủ bà con nông dân giá ban đầu là 6.000 đồng/Kg, so với tiền nhận đặt cọc thì còn bù lỗ 80 đồng/Kg nhưng anh T chấp nhận vì trực tiếp giao dịch, muốn giữ uy tín để làm ăn lâu dài nên chịu rủi ro phần này. Sau khi kết thúc vụ, hai bên đã mua bán đến 700 tấn theo các hợp đồng khác. Riêng Hợp đồng này, anh T đã báo cho anh L biết ngày hết lúa nhưng anh L vẫn không nhận. Vì anh T dùng tiền nhận đặt cọc để trả đủ cho người trồng lúa, không có thỏa thuận lại là sẽ mua bán vào ngày 15/8 với anh L nên không đồng ý toàn bộ yêu cầu của anh L. Anh T khẳng định, việc giao kết Hợp đồng do anh T với anh L trực tiếp thực hiện, không liên quan đến người nào khác về phía anh L cũng như phía anh T.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L, quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Anh Nguyễn Văn L khởi kiện, yêu cầu anh Quách Văn T trả lại tiền nhận đặt cọc theo Hợp đồng ngày 24/7/2022. Đây là giao dịch dân sự được điều chỉnh tại Điều 116, Điều 328 và các quy định tương ứng của Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết.

Căn cứ lời thừa nhận, thống nhất của các bên tại Biên bản hòa giải (Bút lục 36, 43) cũng như tại phiên tòa; đối chiếu với quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định giữa anh L với anh T đã xác lập với nhau hợp đồng đặt cọc để giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán lúa trong năm 2022 là sự thật. Mặc dù Hợp đồng đặt cọc không được lập thành văn bản nhưng thực tế đã diễn ra theo lời thừa nhận của các bên; trong đó, anh L là bên đặt cọc còn anh T là bên nhận đặt cọc. Thực hiện Hợp đồng này, anh L đã giao và anh T đã nhận đủ 36.000.000 đồng. Do các bên không hoàn thành hợp đồng mua bán 120 tấn lúa, không tự thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng đặt cọc đang tranh chấp, thì thấy: Hợp đồng được xác lập phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 119, Điều 328 của Bộ luật dân sự. Anh Nguyễn Văn L, anh Quách Văn T đều không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự nên Hợp đồng giao kết là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 của Bộ luật dân sự. Các đương sự đều thừa nhận và/hoặc không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã xác lập hoàn toàn tự nguyện. Mục đích của Hợp đồng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho việc giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán lúa là không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự. Ngoài ra, các bên còn thừa nhận đã thỏa thuận cơ bản đầy đủ các điều khoản về giá, phương thức thanh thanh toán; thời hạn, địa điểm và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 398 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng đặt cọc hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành.

Xét việc thực hiện Hợp đồng, thì thấy:

Sau khi nhận đủ tiền đặt cọc, anh T đã chủ động và nghiêm túc thực hiện thu gom mua lúa của người sản xuất để bán cho anh L đủ 120 tấn. Nhưng, khi anh L mua được 45 tấn thì giá lúa giảm còn 5.620/Kg, chính anh L đã đề xuất tạm ngừng để xác lập các hợp đồng khác theo giá thị trường, đợi đến cuối vụ hoặc giá lúa tăng trở lại đến 6.000 đồng/Kg thì mới tiếp tục mua nốt 75 tấn còn lại. Như vậy, giai đoạn này anh T không có lỗi.

Ngày 05/8/2022 (Âm lịch), anh T thông báo giao nốt 75 tấn lúa nhưng anh L đề nghị để lại, vì thời điểm này mua theo giá cũ thì thiệt hại nhiều hơn số tiền đặt cọc và vẫn đang mua lúa của anh T theo hợp đồng khác (Sau Hợp đồng đầu tiên). Đến ngày 10/8/2022 (Âm lịch), anh T tiếp tục thông báo với anh L nhận nốt 75 tấn lúa còn lại vì ngày 15/8/2022 (Âm lịch) là anh T hết lúa, anh L xin lùi lại ngày 18/8/2022 (Âm lịch) vì không có ghe chở lúa. Thời điểm này, anh T đã thực hiện đúng nghĩa vụ báo trước và cũng không có lỗi.

Mặc dù anh L xin lùi lại ngày 18/8/2022 (Âm lịch) với lý do không có ghe chở lúa nhưng lại trình bày (Một phía) vẫn đến nhận lúa vào ngày cuối cùng anh T còn lúa là ngày 15/8/2022 (Âm lịch). Tuy nhiên, từ ngày 10/8/2022 (Âm lịch) đến trước ngày anh T hết lúa (Kết thúc vụ) là ngày 15/8/2022 (Âm lịch), anh L với anh T không thống nhất được với nhau về nội dung gì khác. Cho nên, nếu có việc anh L đến nhận lúa vào ngày 15/8/2022 (Âm lịch) và không được giao thì vẫn không có lỗi của anh T.

Từ những phân tích trên, có cơ sở khách quan để Hội đồng xét xử xác định thực tế diễn biến sự việc, dẫn đến tranh chấp như sau:

Anh L với anh T đã có thời gian dài mua bán lúa với nhau, đôi bên thường giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán trên cơ sở bảo đảm bằng các hợp đồng đặt cọc tương ứng. Ngày 24/7/2022, anh L với anh T xác lập Hợp đồng đặt cọc để giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán 120 tấn lúa, giá mua bán là 6.000 đồng/Kg, giá đặt cọc 300 đồng/Kg và anh L đã đặt cọc, anh T đã nhận đặt cọc 36.000.000 đồng. Do anh L không nhận định đúng về giá cả thị trường lúa, sau khi mua bán được 45 tấn thì giá lúa giảm 380 đồng/Kg. Vì vậy, anh L đề xuất tạm ngưng mua bán 75 tấn còn lại, để đợi giá lúa tăng được 6.000 đồng/Kg hoặc đến cuối vụ mới mua bán nốt; anh T đồng ý đề xuất của anh L, hai bên vẫn thực hiện mua bán theo các hợp đồng khác. Vì chủ quan, anh L không nắm bắt được thời điểm anh T hết lúa nên dù được thông báo đến 02 lần thì anh L vẫn xin lùi lại đến ngày 18/8/2022 (Âm lịch); đồng thời, ngày cuối anh T còn lúa thì giá mua bán cũng chưa tăng lại đến 6.000 đồng/Kg. Do đó, hai bên không mua bán 75 tấn lúa; anh T trả lại tiền nhận đặt cọc tương ứng 45 tấn lúa đã mua bán là 13.500.000 đồng, không đồng ý trả lại tiền nhận đặt cọc tương ứng 75 tấn lúa chưa mua bán là 22.500.000 đồng nên anh L khởi kiện như trên.

Xét ý chí, lý lẽ của các bên thì thấy: Nếu có việc anh L đến nhận lúa vào ngày 15/8/2022 (Âm lịch), cũng không được xuất phát từ thỏa thuận và thống nhất của hai phía; mặt khác, đây là ngày cuối anh T còn lúa nên dù muốn cũng không thể giao ngay số lượng đến 75 tấn cho anh L, chính anh L còn xác định sau ngày 15/8 thì các ruộng anh T đặt cọc chỉ còn gốc lúa. Ngoài ra, bên cạnh việc không chứng minh được có thuê phương tiện chở lúa thì lời trình bày của anh L còn mâu thuẫn, một mặt cho rằng lý do lùi lại ngày 18/8 là không có ghe chở lúa nhưng mặt khác lại đòi bồi thường chi phí thuê phương tiện ngày 15/8 và nhiều mâu thuẫn khác. Như vậy, anh L đã không chứng minh được anh T có vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng; ngược lại, có căn cứ xác định anh L từ chối thực hiện mua bán số lúa còn lại, bởi 02 nguyện vọng của anh L đều không đạt được, nếu mua bán thì bị thiệt hại nhiều hơn số tiền đặt cọc. Đối chiếu với quy định tại Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật dân sự, anh L là bên đặt cọc nhưng từ chối thực hiện mua bán 75 tấn lúa nên số tiền đặt cọc 22.500.000 đồng thuộc quyền sở hữu của bên nhận đặt cọc là anh T. Anh T chấp nhận rủi ro đối với thiệt hại bù lỗ trả người trồng lúa, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, anh L chịu án phí là 29.500.000 đồng x 5% = 1.475.000 đồng.

[4] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, Khoản 1 Điều 119, Điều 328 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L đối với anh Quách Văn T về "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc",* được xác lập bằng lời nói vào ngày 24/7/2022 và bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, là chi phí thuê phương tiện chở lúa. Anh Quách Văn T được sở hữu số tiền đã nhận đặt cọc của anh L là 22.500.000 đồng, tương ứng với 75 tấn lúa do anh L từ chối mua bán.

2. Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền anh L phải nộp là 1.475.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo Biên lai thu số 0004247 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề. Như vậy, anh L còn phải nộp bổ sung 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG